

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;

2/- Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Phạm Thế M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp P, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị S và anh M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Chị và anh Phạm Thế M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh vào tháng 4/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi nhau do anh M làm chồng nhưng không có trách nhiệm với gia đình, luôn coi trọng mối quan hệ xã hội bên ngoài mà xem nhẹ quan hệ vợ chồng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và có ý định ly hôn với anh M, do anh M nhiều lần đến xin lỗi và hứa sẽ thay đổi tính tình nên chị đồng ý quay về chung sống từ tháng 10/2021 nhưng anh M không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không hòa giải hàn gắn được. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế M.

- Về con chung: giữa chị và anh M không có con chung.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Thế M không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Lê Thị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn, anh Phạm Thế M vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị S là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S.

Anh Phạm Thế M là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Lê Thị S và anh Phạm Thế M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị S xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Phạm Thế M không có hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi nhau do anh M làm chồng nhưng không có trách nhiệm với gia đình.

Anh Phạm Thế M không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị S, cũng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh Phạm thế M không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị S, lời trình bày của chị S nêu trong đơn về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị S và anh Phạm Thế M là trầm trọng kéo dài không còn khả năng hàn gắn được nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Theo đơn khởi kiện, chị S xác định giữa chị và anh M không có con chung.

[4]. Về tài sản chung:

Chị S không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Phạm Thế M.

2. Án phí:

Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002181 ngày 14/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị S không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị S và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Thị Ánh Tuyết